

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ I/2019

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 79,971,113,586 | 74,108,031,537 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 3,048,486,549 | 401,851,756 |
| 1. Tiền | 111 | | 3,048,486,549 | 401,851,756 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | | |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 47,675,528,729 | 45,701,798,988 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 27,802,196,823 | 27,347,462,094 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 4,218,092,405 | 4,205,979,532 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | | |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 15,655,239,501 | 14,148,357,362 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | | |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 29,101,276,026 | 27,936,776,012 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 29,101,276,026 | 27,936,776,012 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 145,822,282 | 67,604,781 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 145,822,282 | 67,604,781 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | | |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | | |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 127,660,836,860 | 125,667,220,113 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 40,891,585,792 | 39,127,000,000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 12,000,000,000 | 10,600,000,000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 28,891,585,792 | 28,527,000,000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 61,857,189,905 | 61,953,256,233 |

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------|--------------|------------------|------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 55,172,461,128 | 61,686,210,774 |
| - Nguyên giá | 222 | | 87,676,597,143 | 93,664,597,143 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (32,504,136,015) | (31,978,386,369) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.9 | 6,684,728,777 | 267,045,459 |
| - Nguyên giá | 225 | | 7,037,923,491 | 409,090,909 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | (353,194,714) | (142,045,450) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | | |
| - Nguyên giá | 228 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | | |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | | |
| - Nguyên giá | 231 | | | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | | |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 24,000,000,000 | 24,000,000,000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.11 | 24,000,000,000 | 24,000,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | | |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 912,061,163 | 586,963,880 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7 | 912,061,163 | 586,963,880 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 207,631,950,446 | 199,775,251,650 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 90,653,971,912 | 85,322,942,717 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 75,282,513,117 | 73,614,510,717 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 15,679,522,341 | 9,915,279,285 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 6,043,231,339 | 80,182,879 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 2,801,079,239 | 2,126,032,973 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 494,254,589 | 1,015,545,566 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | | 62,656,404 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14a | 226,326,207 | 425,401,850 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 49,681,599,402 | 59,589,411,760 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 356,500,000 | 400,000,000 |

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|--------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 15,371,458,795 | 11,708,432,000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | | |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | | |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 5,050,000,000 | 5,050,000,000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | 10,321,458,795 | 6,658,432,000 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 116,977,978,534 | 114,452,308,933 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 116,977,978,534 | 114,452,308,933 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 100,000,000,000 | 100,000,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 100,000,000,000 | 100,000,000,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | | |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 400,000,000 | 400,000,000 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 16,577,978,534 | 14,052,308,933 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 14,052,308,933 | 6,015,552,468 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2,525,669,601 | 8,036,756,465 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 207,631,950,446 | 199,775,251,650 |

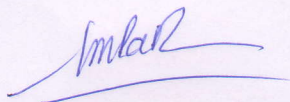
Công Ty Cổ Phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng

Số 194 đường Kiều Hạ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Lập, Ngày 25 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trịnh Thị Hương

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Mẫu số: B02-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2019

Đơn vị tính: VND

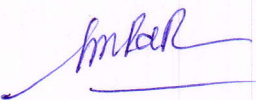
| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Quý I. 2018 |
|---|-------|-------------|----------------|----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 33,756,756,451 | 35,014,498,165 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | | 8,481,000 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 33,756,756,451 | 35,006,017,165 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 28,607,168,848 | 30,780,564,862 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 5,149,587,603 | 4,225,452,303 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 261,495,785 | 162,770,573 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 1,339,366,814 | 1,227,579,817 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1,339,366,814 | 1,227,579,817 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 339,245,183 | 368,853,042 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 434,852,688 | 218,954,648 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26) | 30 | | 3,297,618,703 | 2,572,835,369 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | | 17,184,073 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 112,425,362 | - |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (112,425,362) | 17,184,073 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 3,185,193,341 | 2,590,019,442 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.9 | 659,523,740 | 518,003,888 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 2,525,669,601 | 2,072,015,554 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | VI.10 | 252 | 207 |

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, Ngày 25 tháng 04 năm 2019
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

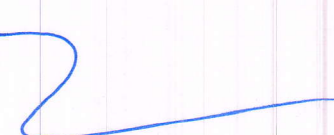


Trần Thị Thu Lan



Trịnh Thị Hương




Trần Thị Thu Phương

Mẫu số: B03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

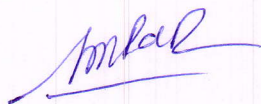
Quý I năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Quý I. 2018 |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 47,779,489,783 | 39,893,399,271 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (22,089,687,883) | (26,261,357,171) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (1,664,666,560) | (952,755,023) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (1,366,555,098) | (1,311,844,313) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | | (281,278,279) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 507,559,543 | 75,929,500 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (5,623,664,475) | (4,494,645,930) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 17,542,475,310 | 6,667,448,055 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (2,511,713,521) | (73,350,004) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1,400,000,000) | (7,000,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | | 1,000,000,000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 273,868 | 162,770,573 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (3,911,439,653) | (5,910,579,431) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 18,688,242,968 | 20,816,295,769 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (29,415,072,859) | (21,633,529,480) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | (257,570,973) | (31,875,000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (10,984,400,864) | (849,108,711) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 2,646,634,793 | (92,240,087) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.1 | 401,851,756 | 1,587,295,596 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | | |

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Quý I. 2018 |
|--|-------|-------------|---------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | V.1 | 3,048,486,549 | 1,495,055,509 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trịnh Thị Hương

Lập, Ngày 25 tháng 04 năm 2019

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HÀI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì giấy nhãn và giấy bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phan;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Giấy, bì carton, giấy tráng phan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty con:

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD |
|--------------------------------------|--|------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | KCN Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam | 66,67% | 66,67% |

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC quý 1 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-20 |
| Máy móc và thiết bị | 05-20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05-06 |

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

05 – 06

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

iii. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

iv. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

v. *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------|----------------------|--------------------|
| Tiền mặt | 983.638.464 | 365.759.520 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.064.848.085 | 36.092.236 |
| Cộng | 3.048.486.549 | 401.851.756 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>1.586.970.985</i> | <i>1.710.100.805</i> |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | 1.586.970.985 | 1.710.100.805 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>26.215.225.838</i> | <i>25.637.361.289</i> |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh | 3.488.280.000 | 4.644.679.868 |
| Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà | 5.261.175.600 | 4.995.068.325 |
| Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B | 4.318.665.370 | 4.411.940.860 |
| Công ty TNHH Hsin Yue Hsing | 2.306.281.560 | - |
| Công ty Cổ Phần Bao bì Hùng Vương | 1.571.018.350 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm | 1.972.313.640 | 2.795.135.090 |
| Các khách hàng khác | 7.297.491.318 | 8.790.537.146 |
| Cộng | 27.802.196.823 | 27.347.462.094 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | | |
| Guang xi Ping xang City Tianrun Trading Co ...,Ltd | | 1.768.533.107 |
| Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam | 1.648.273.910 | |
| Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà | 2.343.011.495 | 2.227.118.425 |
| Các nhà cung cấp khác | 226.807.000- | 225.025.000 |
| Cộng | 4.218.092.405 | 4.205.979.532 |

4. Phải thu về cho vay dài hạn

Cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam vay với lãi suất 9%/năm theo Hợp đồng cho vay số 3005/20182HD/HP-HNA ngày 30/05/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác****a) Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 735.448.931 | - | 473.002.942 | - |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | 91.616.055 | - | 90.391.983 | - |
| Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam | 643.832.876 | - | 382.610.959 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 14.919.790.570 | - | 13.675.354.420 | - |
| Tạm ứng | 6.864.729.419 | - | 6.664.729.419 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 7.098.787.575 | - | 7.000.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 956.273.576 | - | 10.625.001 | - |
| Cộng | 15.655.239.501 | - | 14.148.357.362 | - |

b) Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 8.500.000.000 | - | 8.500.000.000 | - |
| Hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc (1) | 8.500.000.000 | - | 8.500.000.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 20.391.585.792 | - | 20.027.000.000 | - |
| Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (2) | 20.000.000.000 | - | 20.000.000.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 391.585.792 | - | 27.000.000 | - |
| Cộng | 28.891.585.792 | - | 28.527.000.000 | - |

(1) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08/1/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/3/2013. Theo đó, Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng chịu trách nhiệm đầu tư toàn bộ về nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, trạm biến áp, nồi hơi và 2 dây chuyền sản xuất bao bì carton công suất 12.000 tấn/năm và 6.000 tấn/năm. Tổng giá trị đầu tư là 8.500.000.000 VND. Quyền lợi Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng nhận được là:

+ Được nhận phần tiền vốn góp cố định từ Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc là 5.050.000.000 VND (Trường hợp Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng không tiếp tục hợp tác kinh doanh thì Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc sẽ được quyền mua lại dây chuyền máy móc thiết bị với giá cả thỏa thuận và số tiền này sẽ được bù trừ sang hợp đồng mua bán máy móc thiết bị sẽ ký kết giữa hai bên).

+ Được quyền thu lại chi phí bảo vệ, vệ sinh lao vụ, tiền điện, nước theo thực tế sử dụng của Công ty Cổ phần bao bì Phương Bắc.

+ Được nhận một khoản tiền bù đắp chi phí khấu hao 50.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2017, tiền bù đắp chi phí khấu hao được điều chỉnh là 60.000.000/tháng.

+ Được chia 20% kết quả thu được từ hoạt động khai thác dây chuyền sản xuất bao bì công suất 12.000 tấn năm sau khi Công ty Cổ phần bao bì Phương bắc hoàn thành các nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m² tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m² và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 VND tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án.

Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với 02 công trình trên đất là Nhà kho (DTXD 877,5m²) và Nhà văn phòng, làm việc (DTXD 111,8m²; DTSD 226,8m²) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE792947 ngày 7/2/2018. Văn bản số 470/SXD_QHKT ngày 6/2/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận khu đất trên được quy hoạch là đất ở. Ngày 22/6/2018 UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3095/VP-ĐC2 gửi Sở Xây dựng và UBND quận Hồng Bàng để kiểm tra cụ thể về nguồn gốc đất đai; Ngày 05/7/2018 UBND quận Hồng Bàng có Văn bản 875/UBND-TN&MT; Ngày 17/7/2018 UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4395/UBND-ĐC2 giao Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo. Ngày 25/7/2018 Sở Xây dựng đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thống nhất đề nghị UBND thành phố cho phép đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại, đồng thời có văn bản số 2739/SXD-QHKT ngày 03/8/2018 gửi UBND thành phố Hải Phòng về việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển nhà tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng. Ngày 28/9/2018, UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 4561/VP-QH gửi Sở Xây dựng về việc kiểm tra sự phù hợp của dự án... Đến nay, dự án đang được Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tích cực phối hợp với các Ban ngành có liên quan triển khai theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 21.024.015.433 | - | 20.991.758.110 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 312.890.750 | - | 371.011.750 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 880.843.808 | - | 1.019.704.263 | - |
| Thành phẩm | 4.323.914.185 | - | 5.554.301.889 | - |
| Hàng hóa | 2.559.611.850 | - | - | - |
| Cộng | 29.101.276.026 | - | 27.936.776.012 | - |

7. Chi phí trả trước

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 145.822.282 | 67.604.781 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 912.061.163 | 586.963.880 |
| Cộng | 1.057.883.445 | 654.568.661 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 18.068.470.367 | 71.579.245.398 | 4.016.881.378 | 93.664.597.143 |
| Mua trong năm | - | 2.283.375.928 | | 2.283.375.928 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 8.271.375.928 | | 8.271.375.928 |
| Số cuối kỳ | 18.068.470.367 | 65.591.245.398 | 4.016.881.378 | 87.676.597.143 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 5.144.917.195 | 24.735.997.849 | 2.097.471.325 | 31.978.386.369 |
| Khấu hao trong năm | 238.981.575 | 1.411.884.076 | 97.716.213 | 1.748.581.864 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 1.222.832.218 | | 30.346.183 |
| Số cuối kỳ | 5.383.898.770 | 24.925.049.707 | 2.195.187.538 | 32.504.136.015 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 12.923.553.172 | 46.843.247.549 | 1.919.410.053 | 63.644.085.160 |
| Số cuối kỳ | 12.684.571.597 | 40.666.195.691 | 1.821.693.841 | 55.172.461.128 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 86.755.967.276 VND và 63.130.548.720 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền và Ngân hàng TMCP Tiền Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm và Ngân hàng Quân Đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

| | Nguyên giá | Tăng trong kỳ | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 409.090.909 | | 142.045.450 | |
| Tăng trong năm | | 6.628.832.582 | | |
| Khấu hao trong năm | - | | 211.149.264 | |
| Số cuối kỳ | 409.090.909 | 6.628.832.582 | 353.194.714 | 6.684.728.777 |

- Là chiếc xe nâng hiệu Hangcha thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội có giá trị 450.000.000 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê: 28/11/2016, Thời hạn thuê: 36 tháng (xem thêm thuyết minh số V.14b
- Vay và nợ thuê dài hạn)
- Là bộ các tài sản bao gồm máy ép kiện, Hệ thống QCS Smart 5000 và nâng cấp hệ thống máy xeo và hệ thống bột có giá trị 7.291.715.840 VNĐ(bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê 16/01/2019. Thời hạn thuê: 41 tháng.

10. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam căn cứ biên bản họp đại hội đồng Cổ đông số 03/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/9/2017. Theo đó tổng số tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 24.000.000.000 VNĐ, chiếm 66,67% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả các bên liên quan | - | - | 474.607.665 | 474.607.665 |
| Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam | | | 474.607.665 | 474.607.665 |
| Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc | | | | |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 15.679.522.341 | 15.679.522.341 | 9.440.671.620 | 9.440.671.620 |
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh | 1.816.694.550 | 1.816.694.550 | 1.245.092.155 | 1.245.092.155 |
| Công ty cổ phần Falcon Holdings Vn | 2.815.573.035 | 2.815.573.035 | - | - |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng | 3.045.753.600 | 3.045.753.600 | 2.756.648.000 | 2.756.648.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Phương Chi | 452.570.453 | 452.570.453 | 1.359.379.353 | 1.359.379.353 |
| Công ty TNHH Sản xuất Hóa chất Thương mại Dịch vụ Gia Định | 1.070.708.320 | 1.070.708.320 | 1.622.610.000 | 1.622.610.000 |
| Newport CH international LLC | 3.419.438.475 | 3.419.438.475 | | |
| Các nhà cung cấp khác | 3.058.783.908 | 2.404.872.995 | 2.456.942.112 | 2.456.942.112 |
| Cộng | 15.679.522.341 | 15.679.522.341 | 9.915.279.285 | 9.915.279.285 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Người mua trả tiền ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công ty cổ phần giấy Hải Phòng | 5.963.048.460 | - |
| Công ty TNHH MTV giao nhận Topasia | 59.336.979 | 59.336.979 |
| Công ty TNHH sản xuất bao bì Alcamax | | |
| Công ty công nghiệp Tân Á | | |
| Công ty Well fresh | 20.845.900 | 20.845.900 |
| Cộng | 6.043.231.339 | 80.182.879- |

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.366.103.879 | 4.037.527.141 | 4.051.736.424 | 1.351.894.596 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | 614.393.749 | 570.261.940 | 44.131.809 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 745.529.094 | 659.523.740 | | 1.405.052.834 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | 2.126.032.973 | 5.314.444.630 | 4.639.398.364 | 2.801.079.239 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.10

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả khác**a. Phải trả ngắn hạn khác**

Là khoản tiền chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ

b. Phải trả dài hạn khác

Là số tiền Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc chuyển cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/BBPB ngày 08/1/2013 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/3/2013 (xem thuyết minh số V.7)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <i>45.741.374.870</i> | <i>45.741.374.870</i> | <i>55.683.560.761</i> | <i>55.683.560.761</i> |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a) | 29.368.893.800 | 29.368.893.800 | 36.447.814.464 | 36.447.814.464 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b) | 7.402.941.146 | 7.402.941.146 | 7.384.182.969 | 7.384.182.969 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng | - | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c) | 8.969.539.924 | 8.969.539.924 | 11.851.563.328 | 11.851.563.328 |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i> | <i>3.744.176.000</i> | <i>3.744.176.000</i> | <i>3.788.976.000</i> | <i>3.788.976.000</i> |
| <i>Nợ tài chính dài hạn đến hạn trả</i> | <i>196.048.532</i> | <i>196.048.532</i> | <i>116.874.999</i> | <i>116.874.999</i> |
| Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội | 196.048.532 | 196.048.532 | 116.874.999 | 116.874.999 |
| Cộng | 49.681.599.402 | 49.681.599.402 | 59.589.411.760 | 59.589.411.760 |

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay hạn mức Số:01/ 2019-HĐCVHM/NHCT168- HHHP ngày 31 tháng 03 năm 2019. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT168-CPGHH ngày 04/11/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng đính

kèm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft các loại theo giấy đăng ký kinh doanh trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay VND theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 39.000.000.000. Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức là kể từ ngày 31/03/2019 đến hết ngày 31/03/2020. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015-HĐTCMMTB ngày 21/1/2015. Tài sản thế chấp là toàn bộ các hạng mục sửa chữa nâng cấp của dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất giấy Kraft công suất 15.000 tấn/năm đầu tư năm 2014-2015. Giá trị tài sản thế chấp là 9.489.000.000 VND.

(2) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 3.174.000.000 VND.

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/HĐTC-MMTB ngày 08/09/2014. Tài sản thế chấp là lò hơi công nghệ tăng sôi 9 tấn/giờ, hệ thống lọc nước, linh kiện, phụ tùng và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền với tài sản này. Giá trị tài sản thế chấp là 6.245.000.000 VND.

(4) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013 giá trị tài sản thế chấp là 10.250.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(6) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương. Giá trị tài sản thế chấp là 270.000.000 VND.

(7) Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/DCMMTB/HĐTC/2013. Tài sản thế chấp là dây chuyền sản xuất bao bì Carton và các thiết bị khác. Giá trị tài sản thế chấp là 4.000.000.000 VND.

(8) Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 02/DCMMTB/HĐTC/2013 ngày 09/05/2013. Giá trị tài sản thế chấp là 4.000.000.000 VND.

(9) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/VKT/HĐTC/2012 ngày 24/12/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên 8.890 m² đất thuê tại phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng. Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SĐ-02/DCMMTB/HĐTC/2012 ngày 18/02/2014 xác định giá trị tài sản thế chấp là 15.391.201.080 VND.

(10) Hợp đồng thế chấp hàng hóa bổ sung số 01/2014-HĐTCHH ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa được hình thành từ vốn vay đang được đi đường hoặc được giữ tại kho hàng của đơn vị tại số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng hoặc tại bất kỳ kho hàng nào khác (tại hiện tại hoặc tương lai) được sử dụng để chứa hàng hóa được phản ánh trong sổ sách kế toán hoặc chứng từ kho hàng.

+ Các quyền lợi ích của đơn vị phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản đã nêu trên.

+ Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà đơn vị có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực để mua bán, trao đổi, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập nêu trên.

(11) Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung số 01/2014-HĐTCQTS ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản của đơn vị từ toàn bộ các khoản phải thu được hình thành từ vốn vay tại mọi thời điểm phát sinh dưới hình thức các Hợp đồng kinh tế và các hình thức ký kết văn bản khác.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 23/2018/HĐTD/LNH/01 ngày 25 tháng 01 năm 2018. Hạn mức vay 10.000.000.000 VND, mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy Kraft. Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng từ ngày 08/03/2019 đến ngày 08/03/2020. Giá trị Hạn mức cho vay trên đã bao gồm số dư nợ của khách hàng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 113/2019/HĐTD/LNH/01 ký ngày 08/03/2019. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa không vượt quá 6 tháng đối với mục đích thanh toán tiền cho các phương án mua hàng trong nước, thanh toán thư tín dụng trả ngay và không quá 6 tháng trừ đi thời hạn trả chậm của thư tín dụng với mục đích thanh toán thư tín dụng trả chậm. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp cho khoản vay là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của ông Trần Quốc Khánh và bà Vũ Thị Hằng tại địa chỉ số 29 tổ 65 trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng theo Hợp đồng đảm bảo số 254-02/HĐTC/TPBANK.LNH-HH ký kết ngày 12 tháng 3 năm 2015. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký hợp đồng là 7.315.000.000 VND.

(c) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/18/HM/14185005 ký ngày 01/06/2018 và số 02/18/HM/14185005 ký ngày 10/12/2018 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 12.000.000.000. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CH 565026, sổ vào sổ cấp GCN CS 09438 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/03/2017, địa chỉ tại căn hộ chung cư số 1606 Nhà T10, khu đô thị Vinhomes Times City, số 458 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Chủ sở hữu là bà Trần Thị Thu Phương. Trị giá: 2.585 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101149782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016. Trị giá 2.501 triệu đồng.

(d) Là khoản vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng số 531.15.081.1408527.TD ngày 10/07/2015. Số tiền cho vay: 896.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 48 tháng. Mục đích cho vay là thanh toán một phần tiền mua ô tô theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 300512015-HĐMB-TM/HCVN ngày 30/12/2015. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, được quy định tại văn bản nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Tài sản thế chấp là 1 xe ô tô tải Dongfeng 4 chân nhập khẩu màu trắng, sản xuất năm 2015 hình thành từ vốn vay theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 300512015-HĐMB-TM/HCVN. Giá trị tài sản thế chấp là 1.280.000.000 VND.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 55.683.560.761 | 18.688.242.968 | - | 28.630.428.859 | 45.741.374.870 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 3.788.976.000 | - | 739.844.000 | 784.644.000 | 3.744.176.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 116.874.999 | - | 336.744.501 | 257.570.968 | 196.048.532 |
| Cộng | 59.589.411.760 | 18.688.242.968 | 1.076.588.501 | 29.672.643.827 | 49.681.599.402 |

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn ngân hàng | 5.873.788.000 | 5.873.788.000 | 6.658.432.000 | 6.658.432.000 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Ngô Quyền (a) | 5.873.788.00 | 5.873.788.000 | 6.658.432.000 | 6.658.432.000 |
| Nợ thuê tài chính | - | - | - | - |
| - Công ty cho thuê Tài chính Chailease (b) | 4.402.870.795 | 4.402.870.795 | - | - |
| Cộng | 10.321.458.795 | 10.321.458.795 | 6.658.432.000 | 6.658.432.000 |

(a) Là khoản vay ngân hàng Công Thương chi nhánh Ngô Quyền theo các hợp đồng tín dụng sau:

(1) Hợp đồng tín dụng số 04/HĐTD/2013 ngày 7 tháng 01 năm 2013. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp thêm của nhà máy sản xuất giấy Kraft 15.000 tấn/năm. Số tiền cho vay là 3.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 66 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.

(2) Hợp đồng tín dụng số 03/HĐTD/2013 ngày 26/03/2013. Mục đích của khoản vay là mua toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bao bì carton công suất 12.000 tấn/ năm và các máy móc thiết bị kèm theo. Số tiền cho vay là 2.500.000.000 VND. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2012 ngày 24/12/2012. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua lại tài sản cố định của Hợp tác xã xí nghiệp sản xuất giấy Đức Dương và Công ty Cổ phần Bao bì và in công nghệ cao Đình Vũ. Số tiền cho vay là 24.075.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 114 tháng. Lãi suất vay áp dụng theo phương pháp thả nổi, được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và ghi trên giấy nhận nợ.

Các hợp đồng vay trên được thế chấp bằng các tài sản thế chấp giống như khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương chi nhánh Ngô Quyền (Xem TM số V.17a)

(b) Là tài sản thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease-Chi nhánh Hà Nội. Tài sản thuê tài chính là một chiếc xe nâng hiệu Hangcha có giá trị 450.000.000 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Giá trị thuê là 382.500.000. Ngày bắt đầu thuê: 28/11/2016. Thời hạn thuê: 36 tháng. Lãi suất thuê được xác định như sau:

Từ kỳ thanh toán tiền thuê đầu tiên đến kỳ thứ 6: lãi suất cố định: 9.65%

Từ kỳ thanh toán thứ 7 trở đi: lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 2.53%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------------|--|------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 9.662.764.000 | - | 3.788.976.000 | 5.873.788.000 |
| Nợ thuê tài chính | 4.598.919.327 | - | 196.048.532 | 4.402.870.795 |
| Cộng | <u>14.261.683.327</u> | <u>-</u> | <u>3.985.024.532</u> | <u>10.321.458.795</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 100.000.000.000 | - | 6.015.552.468 | 106.015.552.468 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận | | - | - | |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | | - | - | |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 8.324.756.465 | 8.324.756.465 |
| Trích lập các quỹ | - | 400.000.000 | | 400.000.000 |
| Thủ lao cho HĐQT và BKS | - | - | (288.000.000) | (288.000.000)) |
| Số dư cuối năm trước | 100.000.000.000 | 400.000.000 | 14.052.308.933 | 114.452.308.933 |
| Số dư đầu năm nay | 100.000.000.000 | - | 14.052.308.933 | 114.452.308.933 |
| Lợi nhuận trong quý này | - | - | 2.525.669.601 | 2.525.669.601 |
| Số dư cuối kỳ này | 100.000.000.000 | 400.000.000 | 16.577.978.534 | 116.977.978.534 |

Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

| | | |
|--|-----------------------|------------------------|
| a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm | 33.329.010.200 | 34.636.137.232 |
| Doanh thu khác | 427.746.251 | 378.360.933 |
| Cộng | 33.756.756.451 | 35.014.498.165 |
| b. Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Hàng bán bị trả lại | | 8.481.000 |
| Cộng | - | 8.481.000 |
| c. Giá vốn hàng bán | | |
| | 31/3/2019 | 31/03/2018 |
| Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán | 28.383.559.568 | 30.615.935.152 |
| Giá vốn khác | 223.609.280 | 170.860.932 |
| Cộng | 28.607.168.848 | 109.698.927.365 |
| d. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 273.868 | 619.708 |
| Lãi cho vay | 261.221.917 | 162.150.865 |
| Cộng | 261.495.785 | 162.770.573 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| e. Chi phí tài chính | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Chi phí lãi vay | 1.339.366.814 | 1.227.579.817 |
| Cộng | 1.339.366.814 | 1.227.579.817 |
| f. Chi phí bán hàng | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Chi phí cho nhân viên | 129.747.489 | 79.452.766 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | - | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 49.551.516 | 138.011.250 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 157.216.087 | 151.389.026 |
| Các chi phí khác | 2.730.091 | - |
| Cộng | 339.245.183 | 368.853.042 |
| g. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Chi phí cho nhân viên | 214.536.603 | 133.575.541 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 10.401.513 | 1.799.244 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 68.060.169 | 46.436.058 |
| Thuế, phí và lệ phí | 53.415.753 | 10.827.828 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 35.064.419 | 26.315.978 |
| Các chi phí khác | 10.031.200 | - |
| Cộng | 434.852.688 | 218.954.649 |
| h. Thu nhập khác | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Thu nhập khác(Thanh lý tài sản cố định) | 6.628.832.582 | - |
| Cộng | 6.628.832.582 | - |
| i. Chi phí khác | | |
| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
| Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản | 6.628.832.582 | 17.184.073 |
| Chi phí khác | - | - |
| Chậm nộp thuế | 112.425.362 | - |
| Cộng | 6.741.257.944 | 17.184.073 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**j. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

| | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
|--|--------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.185.193.341 | 2.590.019.442 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 112.425.362 | |
| <i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i> | 112.425.362 | |
| <i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i> | | |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| <i>Lãi thu từ hợp tác kinh doanh</i> | | |
| Thu nhập chịu thuế | 3.297.618.703 | 2.590.019.442 |
| Thu nhập tính thuế | 3.297.618.703 | 2.590.019.442 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 659.523.740 | 518.003.888 |
| Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước | | |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 659.523.740 | 518.003.888 |

k. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

18. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Số liệu so sánh**

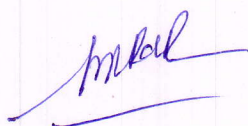
Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 25 tháng 4 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thu Lan

Trịnh Thị Hương

Trần Thị Thu Phương